

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày tháng 10 năm 2022*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ chi tiết nguồn kinh phí sự nghiệp vốn ngân sách  
Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng  
nông thôn mới năm 2022.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 468/TTr-STC ngày 06/10/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp vốn ngân sách Trung ương năm 2022 hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, với tổng số tiền là **19.750 triệu đồng** (Mười chín tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng), đã được giao tại Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh. Chi tiết có Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện,

thị xã, thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCTTT UBND tỉnh N. T. Thanh;
- PVP NN;
- Lưu VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**PHỤ LỤC**

**PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Tên xã, huyện	Tổng vốn	Phân bổ chi tiết vốn đã giao tại Phụ lục 17 của Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh							Đầu mối giao kế hoạch
			Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch...	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...	Nội dung thành phần số 03: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn...	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa...	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...	Nội dung thành phần số 08: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở...	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới...	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>19.750,0</b>	<b>3.975,0</b>	<b>850,0</b>	<b>2.376,1</b>	<b>5.458,0</b>	<b>6.540,9</b>	<b>140,0</b>	<b>410,0</b>	
<b>I</b>	<b>Thành phố Quy Nhon</b>	<b>477,2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>335,4</b>	<b>111,8</b>	<b>-</b>	<b>30,0</b>	UBND thành phố Quy Nhon
1	Xã Nhon Lý	111,8				111,8				
2	Xã Phước Mỹ	111,8				111,8				
3	Xã Nhon Châu	111,8				111,8				
4	Xã Nhon Hải	111,8					111,8			
5	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo thành phố	30,0							30,0	
<b>II</b>	<b>Huyện Vân Canh</b>	<b>710,8</b>	<b>75,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>366,0</b>	<b>229,8</b>	<b>-</b>	<b>40,0</b>	UBND huyện Vân Canh
1	Xã Canh Vinh	111,8					111,8			
2	Xã Canh Hiến	559,0	75,0			366,0	118,0			
3	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	40,0							40,0	
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy Phước</b>	<b>1.269,8</b>	<b>225,0</b>	<b>-</b>	<b>27,0</b>	<b>520,8</b>	<b>457,0</b>	<b>-</b>	<b>40,0</b>	UBND huyện Tuy Phước
1	Xã Phước An	111,8	75,0				36,8			
2	Xã Phước Nghĩa	111,8			27,0		84,8			
3	Xã Phước Hưng	111,8					111,8			
4	Xã Phước Lộc	111,8					111,8			
5	Xã Phước Thành	111,8				111,8				
6	Xã Phước Quang	111,8				111,8				
7	Xã Phước Hiệp	111,8					111,8			
8	Xã Phước Hòa	111,8				111,8				
9	Xã Phước Sơn	111,8	75,0			36,8				

TT	Tên xã, huyện	Tổng vốn	Phân bổ chi tiết vốn đã giao tại Phụ lục 17 của Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh							Đầu mối giao kế hoạch
			Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch...	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...	Nội dung thành phần số 03: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn...	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa...	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...	Nội dung thành phần số 08: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở...	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới...	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>19.750,0</b>	<b>3.975,0</b>	<b>850,0</b>	<b>2.376,1</b>	<b>5.458,0</b>	<b>6.540,9</b>	<b>140,0</b>	<b>410,0</b>	
10	Xã Phước Thuận	111,8	75,0			36,8				
11	Xã Phước Thắng	111,8				111,8				
12	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	40,0							40,0	
<b>IV</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>	<b>1.148,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>509,4</b>	<b>608,6</b>	<b>-</b>	<b>30,0</b>	
1	Xã Nhơn Lộc	111,8					111,8			
2	Xã Nhơn An	111,8				70,0	41,8			
3	Xã Nhơn Phúc	111,8					111,8			
4	Xã Nhơn Thọ	111,8					111,8			
5	Xã Nhơn Phong	111,8				111,8				
6	Xã Nhơn Khánh	111,8				75,0	36,8			
7	Xã Nhơn Mỹ	111,8				60,8	51,0			
8	Xã Nhơn Hậu	111,8				80,0	31,8			
9	Xã Nhơn Hạnh	111,8				111,8				
10	Xã Nhơn Tân	111,8					111,8			
11	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo thị xã	30,0							30,0	
<b>V</b>	<b>Huyện Tây Sơn</b>	<b>3.616,9</b>	<b>900,0</b>	<b>850,0</b>	<b>556,8</b>	<b>535,7</b>	<b>594,4</b>	<b>140,0</b>	<b>40,0</b>	
1	Xã Tây Thuận	111,8	75,0				36,8			
2	Xã Bình Hòa	111,8	75,0			36,8				
3	Xã Bình Tường	111,8	75,0				36,8			
4	Xã Tây Xuân	111,8	75,0				36,8			
5	Xã Bình Nghi	111,8	75,0				36,8			
6	Xã Bình Thuận	111,8	75,0				36,8			
7	Xã Tây An	111,8	75,0		36,8					
8	Xã Tây Bình	111,8	75,0				36,8			
9	Xã Tây Vinh	111,8	75,0				36,8			
10	Xã Tây Phú	111,8	75,0			36,8				
11	Xã Bình Thành	111,8	75,0				36,8			



TT	Tên xã, huyện	Tổng vốn	Phân bổ chi tiết vốn đã giao tại Phụ lục 17 của Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh							Đầu mối giao kế hoạch
			Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch...	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...	Nội dung thành phần số 03: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn...	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa...	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...	Nội dung thành phần số 08: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở...	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới...	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>19.750,0</b>	<b>3.975,0</b>	<b>850,0</b>	<b>2.376,1</b>	<b>5.458,0</b>	<b>6.540,9</b>	<b>140,0</b>	<b>410,0</b>	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Phù Mỹ</b>	<b>4.958,5</b>	<b>300,0</b>	<b>-</b>	<b>161,5</b>	<b>2.053,7</b>	<b>2.403,3</b>	<b>-</b>	<b>40,0</b>	UBND huyện Phù Mỹ
1	Xã Mỹ Hiệp	111,8					111,8			
2	Xã Mỹ Lộc	111,8				111,8				
3	Xã Mỹ Hòa	111,8			40,0	41,8	30,0			
4	Xã Mỹ Tài	111,8			75,0		36,8			
5	Xã Mỹ Trinh	111,8					111,8			
6	Xã Mỹ Quang	111,8	75,0				36,8			
7	Xã Mỹ Châu	111,8	75,0			10,0	26,8			
8	Xã Mỹ Cát	111,8				80,0	31,8			
9	Xã Mỹ Thọ	111,8				80,0	31,8			
10	Xã Mỹ Chánh Tây	111,8				80,0	31,8			
11	Xã Mỹ Phong	111,8				60,0	51,8			
12	Xã Mỹ Lợi	111,8				111,8				
13	Xã Mỹ Thành	111,8				111,8				
14	Xã Mỹ Đức	559,0	75,0		15,0	395,0	74,0			
15	Xã Mỹ Thắng	559,0	75,0		31,5	396,5	56,0			
16	Xã Mỹ An	111,8				75,0	36,8			
17	Hỗ trợ huyện NTM	2.235,3				500,0	1.735,3			
18	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	40,0							40,0	
<b>IX</b>	<b>Huyện Hoài Ân</b>	<b>2.611,4</b>	<b>825,0</b>	<b>-</b>	<b>600,0</b>	<b>-</b>	<b>1.146,4</b>	<b>-</b>	<b>40,0</b>	UBND Huyện Hoài Ân
1	Xã Ân Thạnh	111,8	75,0				36,8			
2	Xã Ân Phong	111,8	75,0				36,8			
3	Xã Ân Tường Tây	111,8	75,0				36,8			
4	Xã Ân Đức	111,8	75,0				36,8			
5	Xã Ân Hào Đông	111,8	75,0				36,8			
6	Xã Ân Tín	111,8	75,0				36,8			
7	Xã Ân Mỹ	111,8	75,0				36,8			

